

12/2025 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG SÀI GÒN – VỮNG TÀU – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 13/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 23 tháng 01 năm 2025)

Chèn	Độ sâu	0 ₄	10°38'30.35"N	106°45'20.10"E
	Độ sâu ngập triều	<u>2</u> ₉	10°38'32.55"N	106°45'16.21"E
	Độ sâu ngập triều	<u>0</u> ₉	10°38'28.90"N	106°45'25.62"E
		6	10°38'36.03"N	106°45'18.86"E
		6	10°38'35.82"N	106°45'25.38"E
		7 ₂	10°38'39.98"N	106°45'17.43"E
Xoá	Độ sâu	7 ₆	10°38'40.11"N	106°45'17.35"E
		6 ₅	10°38'35.97"N	106°45'18.71"E
		2 ₁	10°38'29.58"N	106°45'27.04"E
		1 ₄	10°38'32.27"N	106°45'18.07"E
		3 ₃	10°38'29.93"N	106°45'21.65"E
	Độ sâu ngập triều	<u>1</u> ₆	10°38'28.03"N	106°45'24.97"E
	Độ sâu ngập triều	<u>1</u> ₆	10°38'30.29"N	106°45'17.62"E
		6 ₅	10°38'35.77"N	106°45'26.19"E

12/2025 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No. 13/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on January 23rd, 2025)

Insert	Depth	0 ₄	10°38'30.35"N	106°45'20.10"E
	Drying height	<u>2</u> ₉	10°38'32.55"N	106°45'16.21"E
	Drying height	<u>0</u> ₉	10°38'28.90"N	106°45'25.62"E
		6	10°38'36.03"N	106°45'18.86"E
		6	10°38'35.82"N	106°45'25.38"E
		7 ₂	10°38'39.98"N	106°45'17.43"E
Delete	Depth	7 ₆	10°38'40.11"N	106°45'17.35"E
		6 ₅	10°38'35.97"N	106°45'18.71"E

	2 ₁	10°38'29.58"N	106°45'27.04"E
	1 ₄	10°38'32.27"N	106°45'18.07"E
	3 ₃	10°38'29.93"N	106°45'21.65"E
Drying height	<u>1</u> ₆	10°38'28.03"N	106°45'24.97"E
Drying height	<u>1</u> ₆	10°38'30.29"N	106°45'17.62"E
	6 ₅	10°38'35.77"N	106°45'26.19"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
